

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 12 - 2017

V/v Xin ly hôn giữa anh L và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hùng .

Ông Đoàn Quyết Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế L – sinh năm 1985; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L1, huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Số 668 T1, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Thu H - sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (nơi ở): Thôn T, xã L1, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Có mặt anh L, chị H).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là anh Nguyễn Thế L trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 05/12/2008.

- Về tình cảm: Sau ngày cưới anh chị sống tại thôn T, xã L1, huyện V một thời gian, sau đó chuyển ra thành phố Nam Định thuê nhà làm ăn, sinh sống. Cuộc sống chung diễn ra bình thường được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Từ năm 2011 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu trầm trọng, anh chị không quan tâm gì đến nhau nữa, dù sống chung nhưng cơm ai người đó ăn, việc ai người đó làm. Anh nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng quá mệt mỏi nên cuối năm 2012 anh chị đã sống ly thân, chị H chuyển về quê sinh sống, anh vẫn ở lại thành phố Nam Định làm ăn. Năm 2013 anh đã làm đơn xin ly hôn nhưng lúc này con của anh chị chưa tròn 01 tuổi, chị H không đồng ý ly hôn nên đơn xin ly hôn của anh không đủ điều kiện. Từ đó đến nay chị H đi làm ăn xa và sau đó trở về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ. Anh L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân thực tế của anh chị đã chấm dứt từ 5 năm nay, anh không còn tình cảm với chị H nữa nên anh xin được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Phương N – sinh ngày 20/6/2010 và Nguyễn Thế D – sinh ngày 10/10/2012. Từ khi chị H đi làm ăn xa thì cháu N ở với mẹ chị H, cháu D ở cùng anh và mẹ anh, thời gian gần đây mẹ anh phải nằm viện điều trị nên chị H đưa cháu D về chăm sóc. Ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng một con, Tòa án giao cho anh nuôi cháu N hoặc cháu D anh đều đồng ý. Hai bên mỗi người nuôi dưỡng một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác liên quan: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, đơn đề nghị, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là chị Đỗ Thị Thu H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Về tình cảm: Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ việc anh L ngoại tình

với người phụ nữ khác. Đến khi chị phát hiện ra việc anh L ngoại tình thì tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Anh L xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đến nay nên hôn nhân thực tế đã không còn tồn tại nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh L.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Phương N – sinh ngày 20/6/2010 và Nguyễn Thế D – sinh ngày 10/10/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng. Chị H vẫn có nguyện vọng được nuôi 02 con nhưng nếu không được chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu D cho chị nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh L nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về tình cảm: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thế L và chị Đỗ Thị Thu H.

- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N – sinh ngày 20/6/2010 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N cháu thành niên, lao động tự lập được; Giao cháu Nguyễn Thế D – sinh ngày 10/10/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu D cháu thành niên, lao động tự lập được

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- + Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- + Về án phí ly hôn: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế L và chị Đỗ Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 05/12/2008. Như vậy cuộc hôn nhân của anh L và chị H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời khai của anh Nguyễn Thế L và chị Đỗ Thị Thu H về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do tính tình vợ chồng không hợp, anh L có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống anh L và chị H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh L xin được ly hôn chị H, chị H cũng xác định không còn tình cảm với anh L và cũng nhất trí được ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh L, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L và chị H đều nhất trí được thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng ly hôn của anh L, chị H: Xử thuận tình ly hôn giữa anh L và chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương N – sinh ngày 20/6/2010 và Nguyễn Thế D – sinh ngày 10/10/2012. Hiện nay cả 02 con đang ở cùng chị H. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con, nếu không được thì chị nhận nuôi cháu D; anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng một trong 02 con, nếu được thì anh xin được nuôi cháu D. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L và chị H đều có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định vì vậy các bên đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con. Do đó cần giao mỗi người nuôi một con sẽ đảm bảo cho các cháu được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất. Cháu D còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên giao cho chị H nuôi dưỡng; Cháu N giao cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mỗi người nuôi 01 con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn: Anh L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thế L và chị Đỗ Thị Thu H.

2. Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Phương N – sinh ngày 20/6/2010 cho anh Nguyễn Thế L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu N thành niên, lao động tự lập được. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị H, chị H có trách nhiệm giao cháu N cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Giao cháu Nguyễn Thế D – sinh ngày 10/10/2012 cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu D cháu thành niên, lao động tự lập được (cháu D hiện nay đang ở cùng chị H).

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thế L tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/09689 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ.

Anh Nguyễn Thế L và chị Đỗ Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L1;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm